

CÔNG BỐ THÔNG TIN

**Kính gửi: - Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Nội Bài
- Mã chứng khoán: NCT
- Địa chỉ: Sân bay quốc tế Nội Bài, xã Mai Đình, huyện Sóc Sơn, tp.Hà Nội
- Điện thoại: (84-24) 35840905 Fax: (84-24) 35840906
- E-mail: dinhdv.acc@noibaicargo.com.vn
2. Nội dung thông tin công bố:
Báo cáo tài chính bán niên năm 2022 đã soát xét.
3. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 10/08/2022 tại đường dẫn: www.noibaicargo.com.vn
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính bán niên năm 2022 đã soát xét.

Đại diện tổ chức
Người ủy quyền CBTT



Đình Văn Đình

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA NỘI BÀI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2022 ĐẾN NGÀY 30/06/2022

MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC.....	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ.....	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hoá Nội Bài (sau đây được gọi là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hồ Quang Tuấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Giang Tiến	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Phúc	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Dương	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Dũng	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Đinh Hồng Sơn	Trưởng ban
Ông Vũ Xuân Mạnh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên

Tiểu Ban Kiểm toán nội bộ

Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Trưởng tiểu ban
Bà Nguyễn Thị Hồng Phương	Thành viên

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Xuân Phúc	Tổng Giám đốc
Ông Đinh Trọng Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Đình	Kế toán trưởng

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc khẳng định rằng không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Xuân Phúc

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2022

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hoá Nội Bài

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hoá Nội Bài (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 08 tháng 08 năm 2022, từ trang 05 đến trang 34 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/06/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Nguyễn Thị Thu Hà
Giám đốc kiểm toán

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2277-2018-112-1

Giấy ủy quyền số 13/2022/UHY-UQ ngày 08/06/2022

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		475.750.672.961	387.762.483.724
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	163.071.497.023	59.918.930.813
Tiền	111		24.341.497.023	9.698.930.813
Các khoản tương đương tiền	112		138.730.000.000	50.220.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		241.590.000.000	230.860.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	11	241.590.000.000	230.860.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		53.067.862.292	81.556.503.974
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	43.005.549.430	68.903.814.497
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	8.448.091.593	11.892.717.334
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	2.410.837.348	1.392.778.816
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	10	(796.616.079)	(632.806.673)
Hàng tồn kho	140	9	3.554.627.376	3.459.398.718
Hàng tồn kho	141		3.554.627.376	3.459.398.718
Tài sản ngắn hạn khác	150		14.466.686.270	11.967.650.219
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7	14.286.511.067	11.720.469.246
Thuế GTGT được khấu trừ	152	18	180.175.203	247.180.973
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		167.747.622.345	166.241.232.779
Tài sản cố định	220		101.002.795.633	94.491.275.088
Tài sản cố định hữu hình	221	12	99.425.192.164	92.428.341.603
- Nguyên giá	222		340.249.218.817	320.642.954.363
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(240.824.026.653)	(228.214.612.760)
Tài sản cố định vô hình	227	13	1.577.603.469	2.062.933.485
- Nguyên giá	228		11.315.535.250	11.315.535.250
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.737.931.781)	(9.252.601.765)
Đầu tư tài chính dài hạn	250		65.049.600.000	65.049.600.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	11	65.049.600.000	65.049.600.000
Tài sản dài hạn khác	260		1.695.226.712	6.700.357.691
Chi phí trả trước dài hạn	261	7	1.695.226.712	6.698.730.412
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	-	1.627.279
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		643.498.295.306	554.003.716.503

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 30/06/2022

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		78.198.540.890	96.653.305.235
Nợ ngắn hạn	310		69.089.249.400	87.823.641.545
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	10.886.017.575	9.547.036.165
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		534.842	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	13.516.239.144	14.317.130.274
Phải trả người lao động	314		33.370.643.902	56.792.385.849
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	2.041.923.743	152.728.121
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	3.331.910.764	2.564.871.919
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.941.979.430	4.449.489.217
Nợ dài hạn	330		9.109.291.490	8.829.663.690
Phải trả dài hạn khác	337	16	9.103.141.613	8.829.663.690
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	14	6.149.877	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		565.299.754.416	457.350.411.268
Vốn chủ sở hữu	410	19	565.299.754.416	457.350.411.268
Vốn góp của chủ sở hữu	411		261.669.400.000	261.669.400.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		261.669.400.000	261.669.400.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		38.369.630	38.369.630
Cổ phiếu quỹ	415		(12.080.000)	(12.080.000)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		303.604.064.786	195.654.721.638
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		189.879.711.417	24.373.925.457
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		113.724.353.369	171.280.796.181
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		643.498.295.306	554.003.716.503

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2022

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng



Đinh Văn Đình

Tổng Giám đốc




Nguyễn Xuân Phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA NỘI BÀISân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Mai Đình,
Huyện Sóc Sơn, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022
đến ngày 30/06/2022**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	371.573.199.204	340.067.704.258
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		371.573.199.204	340.067.704.258
Giá vốn hàng bán	11	22	188.805.123.479	175.047.948.552
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		182.768.075.725	165.019.755.706
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	5.703.260.424	4.969.722.077
Chi phí tài chính	22	24	13.317.376	7.026.211
Chi phí bán hàng	25	25	7.713.509.118	3.007.452.982
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	38.297.354.290	33.265.330.817
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		142.447.155.365	133.709.667.773
Thu nhập khác	31		784.114	1.945.724
Chi phí khác	32		7.609	28.471.794
Lợi nhuận khác	40		776.505	(26.526.070)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		142.447.931.870	133.683.141.703
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	28.715.801.345	27.236.435.774
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	28	7.777.156	(61.656)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		113.724.353.369	106.446.767.585
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	4.346	4.068

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2022

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng

Đinh Văn Đình

Tổng Giám đốc



Nguyễn Xuân Phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA NỘI BÀISân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Mai Đình,
Huyện Sóc Sơn, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022
đến ngày 30/06/2022**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Chỉ tiêu	Mã số Thuyết minh	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	142.447.931.870	133.683.141.703
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	13.094.743.909	13.790.847.295
Các khoản dự phòng	03	163.809.406	-
Lãi/Lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(30.749.384)	5.891.788
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(5.654.027.081)	(4.962.925.815)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	150.021.708.720	142.516.954.971
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09	29.241.631.672	(3.036.293.317)
(Tăng) hàng tồn kho	10	(95.228.658)	(1.398.805.070)
(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(21.938.104.136)	(21.560.102.455)
Giảm chi phí trả trước	12	2.437.461.879	93.304.695
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(29.486.400.345)	(25.042.948.719)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh (*)	17	(4.282.520.008)	(4.376.700.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	125.898.549.124	87.195.410.105
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(16.748.669.753)	(13.369.850.000)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(241.590.000.000)	(40.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	230.860.000.000	201.655.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.804.171.876	5.745.080.209
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(22.674.497.877)	154.030.230.209

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Chỉ tiêu	Mã số Thuyết minh	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(102.296.000)	(78.413.423.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(102.296.000)	(78.413.423.100)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	103.121.755.247	162.812.217.214
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	59.918.930.813	55.157.678.425
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	30.810.963	(5.482.678)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	163.071.497.023	217.964.412.961

(*) Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh là tiền chi từ Quỹ khen thưởng phúc lợi.

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2022

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng

Đinh Văn Đình

Tổng Giám đốc

Nguyễn Xuân Phúc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hoá Nội Bài, tên viết tắt là NCTS.,JSC (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp - Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp là 0101640729 đăng ký lần đầu ngày 19/04/2005, đã đăng ký thay đổi lần thứ 10 vào ngày 06/05/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Mai Đình, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty là 261.669.400.000 đồng chia thành 26.166.940 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó, Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP góp 144.254.010.000 đồng, chiếm tỷ lệ 55,13%, các cổ đông khác góp 117.415.390.000 đồng, chiếm tỷ lệ 44,87%. Ngày 08/01/2015, Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hoá Nội Bài đã chính thức niêm yết tại sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán NCT.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2022 là 771 người (tại ngày 31/12/2021 là 734 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Kinh doanh dịch vụ hàng hóa và các dịch vụ khác có liên quan đến dịch vụ phục vụ hàng hóa bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ.

1.3 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

- Kinh doanh kho bãi;
- Cho thuê kho, bãi đỗ xe;
- Dịch vụ kiểm tra hàng, cân hàng;
- Bốc xếp hành lý, hàng hoá đường bộ, đường không;
- Dịch vụ giao nhận hàng hoá đường không, đường biển, đường bộ;
- Dịch vụ vận chuyển mặt đất;
- Đại lý làm thủ tục hải quan;
- Các dịch vụ khác hỗ trợ cho vận chuyển;
- Cho thuê kios, văn phòng phục vụ mục đích kinh doanh;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường là trong vòng 12 tháng.

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 đã được soát xét và hoàn toàn có thể so sánh được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. NĂM TÀI CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Doanh nghiệp áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 (Thông tư 200) của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

4.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2021.

4.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác là các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác nhưng Công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

4.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá trị hàng xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4.7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các khoản chi phí trả trước bao gồm các khoản chi phí thuê tài sản, thuê mặt bằng cho nhiều kỳ, công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định và có giá gốc trên 10 triệu đồng, được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong 02 năm (đối với công cụ dụng cụ) hoặc theo thời gian thuê (đối với chi phí thuê tài sản).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	10
- Máy móc, thiết bị	05 - 08
- Phương tiện vận tải, bốc dỡ hàng hóa	06 - 09
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

Tài sản cố định vô hình bao gồm các phần mềm phục vụ hàng hóa, phần mềm kế toán, quản lý nhân sự, phần mềm quản lý kho... Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế, tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao 05 năm.

4.9 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.10 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.10 VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần". Công ty không ghi nhận các khoản lãi, lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

4.11 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu, các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.12 NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch (Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam). Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch. Tỷ giá khi ghi nhận các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) là tỷ giá mua của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ; Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch; Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.13 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ*****Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; Công ty có thể thu được lợi ích kinh tế đồng thời có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Thời điểm ghi nhận doanh thu thông thường trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa, dịch vụ, phát hành hóa đơn cho người mua và người mua chấp nhận thanh toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Là lợi nhuận được chia (nếu có) từ các đơn vị mà Công ty tham gia góp vốn và các khoản lãi tiền gửi ngân hàng, lãi trái phiếu. Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ. Lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

Chi phí hoạt động

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

4.14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC***Thuế giá trị gia tăng (GTGT)***

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho các chuyến bay của hãng hàng không Quốc tế hoặc Doanh nghiệp chế xuất chịu thuế suất thuế GTGT 0%; doanh thu cung cấp dịch vụ cho các chuyến bay của hãng hàng không Quốc nội chịu thuế suất thuế GTGT 10%; doanh thu dịch vụ xử lý hàng hóa chịu thuế suất 10%; thuế suất các dịch vụ khác là 10%.

Theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ, một số dịch vụ của Công ty được giảm thuế GTGT từ 10% xuống 8% kể từ ngày 01/02/2022 đến hết ngày 31/12/2022.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Các loại thuế khác được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

4.15 BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Theo đó, bên liên quan của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài là Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP, các Công ty con thuộc Tổng Công ty, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty.

4.16 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty có hoạt động kinh doanh chính liên quan tới phục vụ, xử lý hàng hóa, lưu kho hàng hóa, các hoạt động này được thực hiện theo một quy trình chung và hoạt động trên một khu vực địa lý duy nhất (Sân bay quốc tế Nội Bài, xã Mai Đình, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội). Do đó, theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận, Công ty không cần lập Báo cáo bộ phận.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA NỘI BÀISân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Mai Đình,
Huyện Sóc Sơn, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022
đến ngày 30/06/2022**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	503.160.207	596.979.321
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.838.336.816	9.101.951.492
Các khoản tương đương tiền (*)	138.730.000.000	50.220.000.000
	163.071.497.023	59.918.930.813

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các Ngân hàng thương mại.

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn		
Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT	6.347.055.583	4.760.000.000
Công ty TNHH N.E.T.S.Y.S Việt Nam	1.341.894.180	1.341.894.180
Công ty TNHH Bán lẻ BRG	739.364.406	-
Công ty Cổ phần Cung cấp thiết bị DV bảo dưỡng hàng không	-	4.211.856.000
Công ty TNHH Kinh doanh ô tô NISU	-	1.424.280.000
Các đối tượng khác	19.777.424	154.687.154
	8.448.091.593	11.892.717.334

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	14.286.511.067	11.720.469.246
Chi trả trước về thuê mặt bằng	13.525.936.960	10.479.468.860
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	760.574.107	1.241.000.386
Dài hạn	1.695.226.712	6.698.730.412
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ	1.039.201.488	1.659.044.823
Chi phí trả trước dài hạn khác	656.025.224	5.039.685.589
	15.981.737.779	18.419.199.658

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA NỘI BÀISân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Mai Đình,
Huyện Sóc Sơn, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022
đến ngày 30/06/2022**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	2.410.837.348	-	1.392.778.816	-
Phải thu lãi dự thu	2.230.655.618	-	1.380.800.413	-
tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn				
Tạm ứng	7.000.000	-	-	-
Phải thu khác	173.181.730	-	11.978.403	-
	2.410.837.348	-	1.392.778.816	-

9. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.511.113.740	-	3.393.335.082	-
Công cụ, dụng cụ	43.513.636	-	66.063.636	-
	3.554.627.376	-	3.459.398.718	-

10. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Tại 30/06/2022		Tại 01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn				
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	3.117.348.468	-	21.865.110.740	-
Công ty CP Hàng không Pacific Airlines	2.285.019.588	(796.616.079)	1.821.665.315	(632.806.673)
Các đối tượng khác	37.603.181.374	-	45.217.038.442	-
	43.005.549.430	(796.616.079)	68.903.814.497	(632.806.673)
Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 32.3)	5.969.838.888	(796.616.079)	23.912.747.249	(632.806.673)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA NỘI BÀI

Sân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Mai Đình, Huyện Sóc Sơn, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	241.590.000.000	241.590.000.000	-	230.860.000.000
- Ngắn hạn	241.590.000.000	241.590.000.000	-	230.860.000.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn (*)	241.590.000.000	241.590.000.000	-	230.860.000.000
Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	65.049.600.000		-	65.049.600.000
- Đầu tư vào đơn vị khác	65.049.600.000		-	65.049.600.000
+ Công ty Cổ phần Logistics Hàng không (ALS)(**)	65.049.600.000	(**)	-	(**)
	306.639.600.000		-	295.909.600.000

(*) Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến không quá 12 tháng.

(**) Tại ngày 30/06/2022, tổng số cổ phần Công ty nắm giữ tại Công ty Cổ phần Logistics Hàng không là 10.017.638 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) với tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết là 9,993%. Khoản đầu tư này chưa xác định được giá trị hợp lý do không có giá giao dịch.

Ngoài ra, Công ty ALS đã thông báo việc chi trả cổ tức còn lại năm 2021 với tỷ lệ 5% Vốn điều lệ bằng tiền, theo đó ngày chốt danh sách cổ đông hưởng quyền là 18/07/2022 và thực hiện chi trả ngày 17/08/2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA NỘI BÀI

Sân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Mai Đình, Huyện Sóc Sơn, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2022	23.120.166.299	81.490.143.285	175.022.953.094	41.009.691.685	320.642.954.363
- Mua trong kỳ	-	-	18.451.394.454	1.154.870.000	19.606.264.454
30/06/2022	23.120.166.299	81.490.143.285	193.474.347.548	42.164.561.685	340.249.218.817
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2022	11.752.751.290	46.659.027.757	136.640.051.194	33.162.782.519	228.214.612.760
- Khấu hao trong kỳ	1.156.008.318	3.759.566.994	5.841.713.303	1.852.125.278	12.609.413.893
30/06/2022	12.908.759.608	50.418.594.751	142.481.764.497	35.014.907.797	240.824.026.653
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2022	11.367.415.009	34.831.115.528	38.382.901.900	7.846.909.166	92.428.341.603
30/06/2022	10.211.406.691	31.071.548.534	50.992.583.051	7.149.653.888	99.425.192.164

Tại ngày 30/06/2022, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 164.460.464.249 đồng (tại ngày 01/01/2022 là 164.460.464.249 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA NỘI BÀISân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Mai Đình,
Huyện Sóc Sơn, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022
đến ngày 30/06/2022**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2022	11.315.535.250	11.315.535.250
- Mua trong kỳ	-	-
30/06/2022	<u>11.315.535.250</u>	<u>11.315.535.250</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2022	9.252.601.765	9.252.601.765
- Khấu hao trong kỳ	485.330.016	485.330.016
30/06/2022	<u>9.737.931.781</u>	<u>9.737.931.781</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2022	<u>2.062.933.485</u>	<u>2.062.933.485</u>
30/06/2022	<u>1.577.603.469</u>	<u>1.577.603.469</u>

Tại ngày 30/06/2022, nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 6.462.235.250 đồng (tại ngày 01/01/2022 là 6.462.235.250 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA NỘI BÀISân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Mai Đình,
Huyện Sóc Sơn, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022
đến ngày 30/06/2022**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	1.627.279
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ của khoản mục tiền và phải thu	-	8.136.395
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	6.149.877	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ	30.749.384	-
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả	20%	20%

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	2.041.923.743	152.728.121
Phụ cấp độc hại	703.980.726	2.012.050
Chi phí dịch vụ khác	1.337.943.017	150.716.071
	2.041.923.743	152.728.121

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	3.331.910.764	2.564.871.919
Cổ tức phải trả	1.866.845.767	1.969.141.767
Kinh phí công đoàn	751.204.863	533.682.196
Thù lao HĐQT/BKS/TB KTNB	652.320.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	61.540.134	62.047.956
Dài hạn	9.103.141.613	8.829.663.690
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	9.103.141.613	8.829.663.690
	12.435.052.377	11.394.535.609

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND
	VND		VND	
Ngắn hạn	10.886.017.575	10.886.017.575	9.547.036.165	9.547.036.165
Công ty TNHH Dịch vụ kho vận ALS	3.570.090.344	3.570.090.344	1.206.522.566	1.206.522.566
Công ty CP Tập đoàn Thiên Minh Đức	1.275.038.400	1.275.038.400	989.744.840	989.744.840
Công ty TNHH ALS Bắc Ninh	550.812.613	550.812.613	1.124.295.274	1.124.295.274
Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất Sân bay Việt Nam - Chi nhánh Nội Bài (VIAGS)	19.919.680	19.919.680	1.625.647.760	1.625.647.760
Công ty CP Logistics ASG	-	-	1.090.329.143	1.090.329.143
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Hồng Anh	-	-	1.035.947.275	1.035.947.275
Phải trả cho các đối tượng khác	5.470.156.538	5.470.156.538	2.474.549.307	2.474.549.307
	10.886.017.575	10.886.017.575	9.547.036.165	9.547.036.165
	1.122.034.809	1.122.034.809	1.891.697.380	1.891.697.380
Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết tại thuyết minh số 32.3)				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘ NHÀ NƯỚC

	01/01/2022	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp bằng tiền trong kỳ	30/06/2022
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14.317.130.274	40.447.148.786	41.248.039.916	13.516.239.144
Thuế giá trị gia tăng	-	9.817.632.986	9.817.632.986	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.240.247.278	28.715.801.345	29.486.400.345	13.469.648.278
Thuế thu nhập cá nhân	76.882.996	1.743.529.337	1.773.821.467	46.590.866
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	142.951.788	142.951.788	-
Thuế nhà thầu	-	24.233.330	24.233.330	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
	01/01/2022	Số được khấu trừ trong kỳ	Số đã khấu trừ trong kỳ	30/06/2022
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT được khấu trừ	247.180.973	11.922.162.697	11.989.168.467	180.175.203

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA NỘI BÀI

Sân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Mai Đình, Huyện Sóc Sơn, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**19.1 Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2021	261.669.400.000	38.369.630	(12.080.000)	147.563.646.585	409.259.336.215
Lãi trong năm	-	-	-	223.612.260.181	223.612.260.181
Phân phối lợi nhuận lần 2 và còn lại năm 2020	-	-	-	(117.745.794.000)	(117.745.794.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng HĐQT/BKS năm 2020	-	-	-	(5.443.927.128)	(5.443.927.128)
Tạm phân phối lợi nhuận lần 1 năm 2021	-	-	-	(52.331.464.000)	(52.331.464.000)
31/12/2021	261.669.400.000	38.369.630	(12.080.000)	195.654.721.638	457.350.411.268
01/01/2022	261.669.400.000	38.369.630	(12.080.000)	195.654.721.638	457.350.411.268
Lãi trong kỳ	-	-	-	113.724.353.369	113.724.353.369
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2021 (*)	-	-	-	(5.599.410.221)	(5.599.410.221)
Thưởng HĐQT/BKS năm 2021 (*)	-	-	-	(175.600.000)	(175.600.000)
30/06/2022	261.669.400.000	38.369.630	(12.080.000)	303.604.064.786	565.299.754.416

(*) Thực hiện theo Nghị quyết số 0122/ĐHĐCĐ-NCTS ngày 24/06/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Công ty đã trích Quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng thành viên HĐQT/BKS năm 2021 số tiền 5.775.010.221 đồng.

Ngoài ra, thực hiện theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐQT/NCTS ngày 24/06/2022 của Hội đồng quản trị Công ty về việc chi trả cổ tức còn lại năm 2021 với tỷ lệ 63% Vốn điều lệ, trong đó ngày chốt danh sách là 20/07/2022 và chi trả từ ngày 18/08/2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA NỘI BÀISân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Mai Đình,
Huyện Sóc Sơn, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022
đến ngày 30/06/2022**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)****19.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Cổ đông	30/06/2022		01/01/2022	
	Tổng số vốn đã góp VND	Tỷ lệ vốn góp %	Tổng số vốn đã góp VND	Tỷ lệ vốn góp %
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	144.254.010.000	55,13%	144.254.010.000	55,13%
Các cổ đông khác	117.415.390.000	44,87%	117.415.390.000	44,87%
	261.669.400.000	100,00%	261.669.400.000	100,00%

19.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	261.669.400.000	261.669.400.000
+ Vốn góp đầu kỳ	261.669.400.000	261.669.400.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	261.669.400.000	261.669.400.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	102.296.000	78.497.196.000

19.4 Cổ phiếu

	30/06/2022 CP	01/01/2022 CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.166.940	26.166.940
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	26.166.940	26.166.940
+ Cổ phiếu phổ thông	26.166.940	26.166.940
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	1.208	1.208
+ Cổ phiếu phổ thông	1.208	1.208
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.165.732	26.165.732
+ Cổ phiếu phổ thông	26.165.732	26.165.732
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/06/2022	01/01/2022
Ngoại tệ các loại (USD)	158.463,72	47.756,23

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA NỘI BÀISân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Mai Đình,
Huyện Sóc Sơn, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022
đến ngày 30/06/2022**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Doanh thu phục vụ hàng hoá	111.059.373.686	100.914.345.834
Doanh thu xử lý hàng hoá	159.420.938.736	143.480.330.158
Doanh thu lưu kho	53.030.695.598	39.634.818.519
Doanh thu dịch vụ khác	48.062.191.184	56.038.209.747
	371.573.199.204	340.067.704.258
<i>Doanh thu đối với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 32.2)</i>	19.015.904.371	14.905.101.580

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	188.805.123.479	175.047.948.552
	188.805.123.479	175.047.948.552

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	5.654.027.081	4.962.925.815
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	30.749.384	-
Lãi chênh lệch tỷ giá thực hiện trong kỳ	18.483.959	6.796.262
	5.703.260.424	4.969.722.077

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá thực hiện trong kỳ	13.317.376	1.134.423
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	5.891.788
	13.317.376	7.026.211

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA NỘI BÀISân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Mai Đình,
Huyện Sóc Sơn, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022
đến ngày 30/06/2022**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***25. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Chi phí xúc tiến thương mại	7.713.509.118	3.007.452.982
	7.713.509.118	3.007.452.982

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Chi phí nhân công	11.660.449.105	10.743.696.220
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	983.718.819	661.377.837
Chi công cụ, dụng cụ	377.897.913	437.902.084
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.097.070.397	2.862.308.265
Chi bảo dưỡng, sửa chữa	1.826.089.726	1.225.573.819
Chi phí thuê văn phòng, thuê tài sản	2.950.892.160	2.950.892.160
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.058.301.968	1.812.084.437
Chi phí khác	15.342.934.202	12.571.495.995
	38.297.354.290	33.265.330.817

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Chi phí nhân công	79.785.058.865	73.632.844.029
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	26.562.647.743	19.605.676.831
Chi công cụ, dụng cụ	1.163.960.608	718.127.003
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.094.743.909	13.790.847.295
Chi bảo dưỡng, sửa chữa	10.399.899.066	7.572.558.602
Chi phí thuê tài sản	39.682.020.412	38.189.648.358
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.906.420.790	34.716.066.236
Chi phí khác	27.507.726.376	20.087.511.015
Chi phí bán hàng	7.713.509.118	3.007.452.982
	234.815.986.887	211.320.732.351

Mua hàng hóa, dịch vụ với bên liên quan
*(chi tiết tại Thuyết minh số 32.2)***4.302.780.551** **12.958.189.440**

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA NỘI BÀISân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Mai Đình,
Huyện Sóc Sơn, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022
đến ngày 30/06/2022**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập lỗ CLTG đánh giá lại cuối kỳ trước	1.627.279	1.116.702
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ khoản lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	6.149.877	(1.178.358)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	7.777.156	(61.656)

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	142.447.931.870	133.683.141.703
Cộng:	1.242.448.632	3.125.326.899
- Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không trực tiếp điều hành	331.200.000	357.000.000
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ	-	5.891.788
- Chi phí không đủ điều kiện khấu trừ	911.248.632	2.762.435.111
Trừ:	(111.373.779)	(626.289.734)
- Chi phí vật tư và nhiên liệu đã xuất nhưng chưa sử dụng năm trước chuyển sang	(72.488.000)	(620.706.227)
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ	(30.749.384)	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm trước	(8.136.395)	(5.583.507)
Thu nhập chịu thuế	143.579.006.723	136.182.178.868
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN trong kỳ	28.715.801.345	27.236.435.774
Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.715.801.345	27.236.435.774

30. CỔ PHIẾU LƯU HÀNH BÌNH QUÂN

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 CP	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 CP
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	26.166.940	26.166.940
Cổ phiếu quỹ đầu kỳ	(1.208)	(1.208)
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành trong kỳ (*)	26.165.732	26.165.732
Tổng số cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ	26.165.732	26.165.732

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA NỘI BÀISân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Mai Đình,
Huyện Sóc Sơn, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022
đến ngày 30/06/2022**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	113.724.353.369	106.446.767.585
Điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	113.724.353.369	106.446.767.585
Số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành trong kỳ (CP)	26.165.732	26.165.732
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	4.346	4.068

32. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**32.1 Các bên liên quan**

Tên Công ty	Mối quan hệ
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ
CN - TCTHK VN - Công ty Bay Dịch vụ Hàng không	Chi nhánh của Công ty mẹ
Công ty CP Hàng không Pacific Airlines	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty CP Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài (NASCO)	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty CP Giao nhận Hàng hóa NASCO	Công ty con của Nasco
Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất Sân bay Việt Nam (VIAGS - TCT)	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất Sân bay Việt Nam - Chi nhánh Nội Bài (VIAGS)	Chi nhánh của VIAGS - TCT
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật máy bay (VAECO)	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH Giao nhận hàng hóa Tân Sơn Nhất	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH Giao nhận Hàng hoá VINAKO	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty CP Suất ăn Hàng không Nội Bài	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty CP Tin học Viễn thông Hàng không	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty CP Xuất nhập khẩu Hàng không	Công ty liên doanh, liên kết của Công ty mẹ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA NỘI BÀI

Sân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Mai Đình,

Huyện Sóc Sơn, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022

đến ngày 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**32.2 Giao dịch với các bên liên quan (tiếp)**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Doanh thu các bên liên quan	19.015.904.371	14.905.101.580
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	17.080.956.910	12.269.706.068
Công ty CP Giao nhận Hàng hóa NASCO	1.146.767.176	1.325.417.928
Công ty CP Hàng không Pacific Airlines	495.173.495	509.749.389
Công ty TNHH Giao nhận hàng hóa Tân Sơn Nhất	196.735.174	730.896.532
Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất Sân bay Việt Nam - CN Nội Bài (VIAGS)	33.276.056	-
Công ty CP Xuất nhập khẩu Hàng không	26.767.760	46.019.663
CN - TCTHK VN - Công ty Bay Dịch vụ Hàng không	17.125.000	16.250.000
Công ty CP Suất ăn Hàng không Nội Bài	11.239.800	-
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật máy bay (VAECO)	7.863.000	7.062.000
	19.015.904.371	14.905.101.580
Mua hàng hóa, dịch vụ của bên liên quan	4.302.780.551	12.958.189.440
Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất Sân bay Việt Nam (VIAGS - TCT)	2.246.146.356	1.874.992.350
Công ty CP Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài (NASCO)	1.211.487.359	1.254.061.470
Công ty CP Suất ăn Hàng không Nội Bài	596.363.636	213.300.000
Công ty CP Tin học Viễn thông Hàng không	138.000.000	138.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất Sân bay Việt Nam - Chi nhánh Nội Bài (VIAGS)	110.783.200	9.477.835.620
	4.302.780.551	12.958.189.440
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	51.081.015.000
Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	-	43.276.203.000
Công ty CP Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài (NASCO)	-	5.482.947.000
Công ty TNHH Giao nhận Hàng hoá VINAKO	-	2.321.865.000
	-	51.081.015.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA NỘI BÀISân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Mai Đình,
Huyện Sóc Sơn, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022
đến ngày 30/06/2022**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**32.2 Giao dịch với các bên liên quan (tiếp)**

		Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng		3.176.183.618	2.420.870.000
Họ và tên	Chức danh		
Ông Nguyễn Xuân Phúc	Tổng Giám đốc	933.802.921	658.475.000
Ông Đinh Trọng Sơn	Phó Tổng Giám đốc	759.522.576	599.395.000
Ông Nguyễn Quốc Hưng	Phó Tổng Giám đốc	757.889.355	593.955.000
Ông Đinh Văn Đình	Kế toán trưởng	724.968.766	569.045.000
Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát		347.760.000	375.000.000
Hội đồng quản trị			
Họ và tên	Chức danh		
Ông Hồ Quang Tuấn	Chủ tịch	82.800.000	89.400.000
Ông Nguyễn Giang Tiến	Thành viên	66.240.000	71.400.000
Ông Nguyễn Xuân Phúc	Thành viên	66.240.000	71.400.000
Ông Nguyễn Thanh Dương	Thành viên	66.240.000	71.400.000
Ông Nguyễn Việt Dũng	Thành viên	66.240.000	71.400.000
Ban kiểm soát		279.360.000	286.800.000
Họ và tên	Chức danh		
Ông Đinh Hồng Sơn	Trưởng ban	180.000.000	180.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên	49.680.000	53.400.000
Ông Vũ Xuân Mạnh	Thành viên	49.680.000	53.400.000
Thù lao của Tiểu ban Kiểm toán nội bộ		25.200.000	37.800.000
Họ và tên	Chức danh		
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Trưởng tiểu ban	18.000.000	9.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Phương	Thành viên	7.200.000	3.600.000

32.3 Số dư với các bên liên quan

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Phải thu bên liên quan	5.969.838.888	23.912.747.249
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	3.117.348.468	21.865.110.740
Công ty CP Hàng không Pacific Airlines	2.285.019.588	1.821.665.315
Công ty CP Giao nhận Hàng hóa NASCO	522.084.949	115.796.475
Công ty TNHH Giao nhận hàng hóa Tân Sơn Nhất (TECS)	29.388.383	110.174.719
CN - TCTHK VN - Công ty Bay Dịch vụ Hàng không	15.997.500	-
	5.969.838.888	23.912.747.249

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA NỘI BÀISân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Mai Đình,
Huyện Sóc Sơn, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022
đến ngày 30/06/2022**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**32.3 Số dư với các bên liên quan (tiếp)**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải trả bên liên quan	1.122.034.809	1.891.697.380
Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất Sân bay Việt Nam (VIAGS - TCT)	883.792.950	44.700.000
Công ty CP Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài (NASCO)	218.322.179	221.349.620
Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất Sân bay Việt Nam - Chi nhánh Nội Bài (VIAGS)	19.919.680	1.625.647.760
	1.122.034.809	1.891.697.380
Đặt cọc, ký quỹ	260.000.000	260.000.000
Công ty CP Giao nhận Hàng hóa NASCO	140.000.000	140.000.000
Công ty TNHH Giao nhận hàng hóa Tân Sơn Nhất	120.000.000	120.000.000
	260.000.000	260.000.000

33. THÔNG TIN KHÁC

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 đã được soát xét của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài.

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2022

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng



Đinh Văn Đình

Tổng Giám đốc




Nguyễn Xuân Phúc